|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trường THCS Trần Cao Vân**  **Họ và tên** ……………………  **Lớp: 9/**… | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN: SINH HỌC**  **Thời gian:** 45 phút *(không kể thời gian giao đề)* | **Điểm** |

**I**. **Trắc nghiệm: (5 đ)** *Hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:*

**Câu 1.** Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất khi lai giữa:

A. hai dòng thuần có kiểu gen giống nhau. B. hai dòng thuần có kiểu gen khác nhau.

C. hai dòng có kiểu gen dị hợp giống nhau. D. hai dòng có kiểu gen đồng hợp giống nhau

**Câu 2:** Để tạo ưu thế lai ở cây trồng người ta dùng phương pháp chủ yếu nào sau đây?

A. Cho F1 lai với bố mẹ. B. Lai khác dòng.

C. Tự thụ phấn bắt buộc. D. Lai kinh tế.

**Câu 3:** Tự thụ phấn bắt buộc và giao phối gần gây ra hiện tượng thoái hoá nhưng vẫn được sử dụng trong chọn giống vì:

A. để củng cố và duy trì một số tính trạng mong muốn, tạo dòng thuần.

B. tạo ra giống mới để góp phần phát triển chăn nuôi và trồng trọt.

C. là một biện pháp quan trọng không thể thiếu trong chăn nuôi, trồng trọt.

D. tạo ra nhiều biến dị và tổ hợp đột biến mới.

**Câu 4:** Sự hợp tác cùng có lợi giữa các loài sinh vật là mối quan hệ gì?

  A. Cộng sinh B. Hội sinh   C. Sinh vật ăn sinh vật D. Cạnh tranh

**Câu 5:** Cá rô phi ở Việt Nam có giới hạn sinh thái về nhiệt độ từ 50C đến 420C. Nhận định nào sau đây **không** đúng?

A. 420C là giới hạn trên. B. 50C là giới hạn trên.

C. 420C là điểm gây chết. D. 50C là điểm gây chết.

**Câu 6:** Tập hợp cá thể nào sau đây là quần thể sinh vật?

A. Các cá thể cá trong hồ Phú Ninh.

B. Các cá thể rắn ở ba hòn đảo xa nhau.

   C. Các cá thể chuột đồng trên một cánh đồng lúa ở Bình Trung.

D. Các cây hoa trong vườn hoa ở công viên Thủ Lệ, Hà Nội.

**Câu 7:** Quần thể sinh vật **không** có đặc trưng cơ bản nào sau đây?

A. Thành phần nhóm tuổi. B. Mật độ quần thể.

C. Tỉ lệ giới tính. D. Số lượng các loài.

**Câu 8:** Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước (1), nhiệt độ không khí (2), kiến (3), ánh sáng (4), rắn hổ mang (5), cây gỗ (6), gỗ mục (7), sâu ăn lá cây (8). Những nhân tố nào thuộc nhóm nhân tố sinh thái vô sinh?

A. (1), (2), (4), (7)     B. (1), (2), (4), (5), (6) C. (1), (2), (5), (6)     D. (3), (5), (6), (8)

**Câu 9:** Cho các hoạt động của con người: hái lượm, săn bắt động vật hoang dã, đốt rừng, chăn thả gia súc, khai thác khoáng sản, chiến tranh. Số hoạt động làm xói mòn và thoái hoá đất là:

  A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 10**. Các sinh vật nào sau đây đều thuộc nhóm sinh vật biến nhiệt?

A. Thỏ, gấu, voi, cá sấu B. Nấm rơm, cây hoa hồng, ếch, cá voi

C. Nấm men, cóc, cá rô, khỉ D. Cá chép, xương rồng, thằn lằn, trùng roi

**Câu 11:** Chim di cư về phương Nam tránh rét là đặc điểm thích nghi hình thành theo nhân tố nào?

 A. Ánh sáng B. Nhiệt độ C. Độ ẩm D. Nước

**Câu 12:**Ví dụ nào dưới đây thể hiện mối quan hệ hội sinh?

A. Địa y sống bám trên cành cây. B. Giun đũa sống trong ruột người.

C. Vi khuẩn trong nốt sần rễ cây họ Đậu. D. Mối quan hệ giữa tảo và nấm tạo thành địa y.

**Câu 13:** Hãy chọn chuỗi thức ăn phù hợp khi có các sinh vật sau: châu chấu, cỏ, gà rừng, cáo:

1. cáo -> gà -> châu chấu -> cỏ B. cỏ -> gà -> châu chấu -> cáo

C. cáo -> châu chấu -> cỏ -> gà D. cỏ -> châu chấu -> gà -> cáo

**Câu 14:** Quan hệ giữa các cá thể trong hiện tượng “tự tỉa thưa” ở thực vật là mối quan hệ gì?

  A. Cộng sinh B. Hội sinh   C. Sinh vật ăn sinh vật D. Cạnh tranh

**Câu 15** Cho một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường không khí, nước và tiếng ồn theo bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác dụng hạn chế** | **Biện pháp hạn chế** |
| 1.Ô nhiễm không khí | a. Tạo bể lắng và lọc nước thải. |
| 2.Ô nhiễm nguồn nước | b. Sử dụng nhiều năng lượng mới không sinh ra khí thải (năng lượng gió, mặt trời). |
| 3.Ô nhiễm tiếng ồn | c. Hạn chế gây tiếng ồn của các phương tiện giao thông. |

Căn cứ vào bảng trên, xác định phương án nào sau đây đúng?

A. 1-a, 2-b, 3-c. B. 1-c, 2-b, 3-a. C. 1-b, 2-c, 3-a. D. 1-b, 2-a, 3-c.

**II. TỰ LUẬN (*5,0 điểm)***

**Câu 1:** *(2,0 điểm)* Giả sử trong một hệ sinh thái có các loài sinh vật sau: Cỏ, gà, thỏ, hổ, mèo rừng, cáo, dê, vi sinh vật.

a. Hãy xây dựng một lưới thức ăn hoàn chỉnh từ các loài sinh vật trên.

b. Hãy liệt kê các thành phần chủ yếu của lưới thức ăn trên.

**Câu 2:** *(2,0 điểm)* Thế nào là tài nguyên thiên nhiên? Theo em, rừng là dạng tài nguyên tái sinh hay không tái sinh? Vì sao?

**Câu 3:** *(1,0 điểm)* Hãy phân biệt sự khác nhau chủ yếu giữa mối quan hệ hỗ trợ và đối địch trong quan hệ khác loài.

**BÀI LÀM**

**ĐÁP ÁN**

**I. TRẮC NGHIỆM. (5.0 điểm)   Mỗi câu đúng 0.33đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án** | B | B | A | A | B | C | D | A | C | D | B | A | D | D | D |

**II. TỰ LUẬN. (5.0 điểm)**

**Câu 1** (2.0 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| Cho 1 số nhận định về sơ đồ lưới thức ăn dưới đây: | VietJack.com   * ***(Học sinh vẽ được lươi thức ăn tuỳ mức độ mà ghi điểm từ 0,25 đến 1 điểm.*** * **Các thành phần trong chuỗi thức ăn.**   + Sinh vật sản xuất: Cỏ.  + Sinh vật tiêu thụ: Dê, thỏ, gà, hổ, cáo, mèo rừng.  + Sinh vật phân giải: Vi sinh vật.  ***( Liệt kê được sinh vật sản xuất 0,25đ, sinh vật phân giải 0,25đ, liệt kê đầy đủ sinh vật tiêu thụ 0,5đ)***  **Câu 2** (2.0 điểm)  - HS nếu đúng khái niệm tài nguyên thiên nhiên  - Rừng là tài nguyên tái sinh  Vì nếu khai thác rừng một cách hợp lí kết hợp bảo vệ và trồng rừng thì rừng có thể phục hồi sau mỗi lần khai thác  **Câu 3** (1.0 điểm)  **Khác nhau chủ yếu giữa *hỗ trợ* và *đối địch* là**:  - Quan hệ hỗ trợ thì ít nhất một bên có lợi, bên kia không bị hại.  - Quan hệ đối địch thì ít nhất 1 bên bị hại. | 1đ  1đ  1đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |

**MA TRẬN, ĐẶC TẢ CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2023- 2024**

**Môn: Sinh học 9**

**GV: Lê Thị Hồng Đẹp**

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chương** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | **Tổng** | |
| **Vận dụng thấp** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | TN | TL |
| **IV. Ứng dụng di truyền học**  **-** Thoái hoá do tự thụ phấn và giao phối gần  - Ưu thế lai |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:* | 3  1  10% |  |  |  |  |  |  |  | **3**  **1**  **10%** |  |
| **Phần 2 Chương I. Sinh vật và môi trường**  - Môi trường và các nhân tố sinh thái  - Ảnh hưởng của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm đến sinh vật  - Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:* | 3c  1  10% |  | 4c  1,33  13,3% | 1c  1  10% |  |  |  |  | **7c**  **2,33**  **23,3%** | **1c**  **1**  **10%** |
| **Chương II. Hệ sinh thái**  **-** Quần thể sinh vật  - Quần thể người  - Quần xã sinh vật  - Hệ sinh thái |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:* | 2c  0,67  6,7% |  | 1c  0,33  3,3% |  |  | 1c  2  20% |  |  | **3c**  **1**  **10%** | **1c**  **2**  **20%** |
| **Chương III: Con người, dân số và môi trường**  - Tác động của con người đối với môi trường  - Ô nhiễm môi trường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:* | 1c  0,33  3,3% |  | 1c  0,33  3,3% |  |  |  |  |  | **2c**  **0,67**  **6,7%** |  |
| **Chương IV: Bảo vệ môi trường**  - Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:* |  | *1/2*  *1đ*  *10%* |  |  |  |  |  | 1/2c  1đ  10% |  | **1c**  **2**  **20%** |
| *Tổng Số câu:*  *Số điểm:* | ***9c***  ***3đ***  *30%* | ***1/2***  ***1đ***  *10%* | ***6c***  ***2đ***  ***20%*** | ***1***  ***1đ***  *10%* |  | ***1c***  ***2đ***  *20%* |  | ***1/2***  ***1đ***  *10%* | ***15c***  ***5đ***  ***50%*** | ***3c***  ***5đ***  ***50%*** |

**BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chương** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | **Tổng** | |
| **Vận dụng thấp** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | TN | TL |
| **IV. Ứng dụng di truyền học**  **-** Thoái hoá do tự thụ phấn và giao phối gần  - Ưu thế lai | - Hiện tượng thoái hoá giống xảy ra khi nào?  - Vì sao tự thụ phấn và giao phối gần gây nên thoái hoá giống mà vẫn được sử dụng trong chọn giống  - Biểu hiện ưu thế lai. Phương pháp tạo ưu thế lai. | |  | |  | |  | |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ* | 3  1  10% |  |  |  |  |  |  |  | **3**  **1**  **10%** |  |
| **Phần 2 Chương I. Sinh vật và môi trường**  - Môi trường và các nhân tố sinh thái  - Ảnh hưởng của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm đến sinh vật  - Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật | - Xác định được các nhân tố sinh thái  - Giới hạn sinh thái  - KN các mối quan hệ khác loài | | **-** Xác định nhân tố nào ảnh hưởng đến đặc điểm thích nghi của động vật  - Xác định được nhóm sinh vật hằng nhiệt, biến nhiệt  - Quan hệ “tự tỉa thưa” là quan hệ gì  - Xác định các mối quan hệ khác loài  **- Sự khác nhau chủ yếu giữa mối quan hệ hỗ trợ và đối địch trong quan hệ khác loài** | |  | |  | |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ* | 3c  1  10% |  | 4c  1,33  13,3% | 1c  1  10% |  |  |  |  | **7c**  **2,33**  **23,3%** | **1c**  **1**  **10%** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương II. Hệ sinh thái**  **-** Quần thể sinh vật  - Quần thể người  - Quần xã sinh vật  - Hệ sinh thái | - Xác định quần thể sinh vật  - Đặc trưng của quần thể, quần xã | | - Viết được chuỗi thức ăn phù hợp | | **- Xây dựng được lưới thức ăn và liệt kê các thành phần chủ yếu của lưới thức ăn trên** | |  | |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ* | 2c  0,67  6,7% |  | 1c  0,33  3,3% |  |  | 1c  2  20% |  |  | **3c**  **1**  **10%** | **1c**  **2**  **20%** |
| **Chương III: Con người, dân số và môi trường**  - Tác động của con người đối với môi trường  - Ô nhiễm môi trường | - Những hoạt động của con người tác động đến thiên nhiên | | - Biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường không khí, nước và tiếng ồn | |  |  |  |  |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ* | 1c  0,33  3,3% |  | 1c  0,33  3,3% |  |  |  |  |  | **2c**  **0,67**  **6,7%** |  |
| **Chương IV: Bảo vệ môi trường**  - Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên | ***-* Khái niệm tài nguyên thiên nhiên** | |  |  |  |  | **- Rừng là tài nguyên tái sinh hay không tái sinh? Vì sao?**  **- Trồng rừng có tác dụng bảo vệ tài nguyên nước không? Vì sao** | |  |  |
|  |  | *1/2*  *1đ*  *10%* |  |  |  |  |  | 1/2c  1đ  10% |  | **1c**  **2**  **20%** |
| *Tổng:*  *Số câu:*  *Số điểm:* | ***9c***  ***3đ***  *30%* | ***1/2***  ***1đ***  *10%* | ***6c***  ***2đ***  ***20%*** | ***1***  ***1đ***  *10%* |  | ***1c***  ***2đ***  *20%* |  | ***1/2***  ***1đ***  *10%* | ***15c***  ***5đ***  ***50%*** | ***3c***  ***5đ***  ***50%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người ra đề**  **(Ký, ghi rõ họ tên)** | **Người duyệt đề**  **(Ký, ghi rõ họ tên)** |